

Bản án số: **90/2023/HS-PT**
Ngày 07/6/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Tuấn**

Các Thẩm phán: Ông **Phan Vĩnh Chuyên**

Ông **Trần Minh Long**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lại Thị Thanh Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lương Hồng Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 76/2023/TLPT-HS ngày 31 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo Phạm H, Phạm S, Phạm M do có kháng cáo của bị hại Nguyễn Đức Đăng K đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HS-ST ngày 21/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo:

1. Phạm H, sinh ngày 22/7/1996 tại Đà Nẵng; nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã H, Huyện V, thành phố Đà Nẵng; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: làm dịch vụ vận tải; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm M và bà Nguyễn Thị H; có vợ (Hứa Thị T) và 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt.

2. Phạm S, sinh ngày 16/6/1998 tại Đà Nẵng; nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã H, Huyện V, thành phố Đà Nẵng; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lái xe; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con

ông Phạm M và bà Nguyễn Thị H; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt.

3. Phạm M, sinh ngày 27 tháng 02 năm 1970 tại Đà Nẵng; nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã H, Huyện V, thành phố Đà Nẵng; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Làm dịch vụ vận tải; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm H (c) và bà Nguyễn Thị B (c); có vợ (Nguyễn Thị H) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt.

Người kháng cáo:

Bị hại: Ông Nguyễn Đức Đăng K, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số 107 đường H, phường K, quận O, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, sơ thẩm và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do trước đó Nguyễn Đức Đăng K (Sinh năm 1981, trú tại thôn 1B, xã H, Huyện V, thành phố Đà Nẵng) có nợ Phạm M số tiền 1.200.000.000 đồng (Tiền công vận chuyển đất sang lấp mặt bằng cho K) và nhiều lần M cùng các con của mình là Phạm H và Phạm S đòi nợ nhưng K vẫn chây ì không trả. Vào khoảng 8 giờ 50 phút ngày 28/8/2022, biết được K đang ngồi uống cà phê tại quán LO ở thôn 1B, xã H, Huyện V, thành phố Đà Nẵng thì S và H đến gặp K, yêu cầu K trả nợ số tiền nêu trên thì K trả lời “Tao không trả tiền thì mi làm chi tao, tiền cha con mi qua M lấy”, nghe K trả lời như vậy thì giữa K với H và S xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, S lấy 01 ly thủy tinh ném xuống nền bê tông dưới chân K làm vỡ ly, sau đó S và H tiếp tục dùng thắt lưng và tay đánh vào người K; cùng lúc này Phạm M cũng vừa đến thấy 02 con trai của mình đánh nhau với K nên cũng xông vào dùng tay đánh K thì được mọi người dân xung quanh can ngăn.

Tang vật tạm giữ: 01 dây thắt lưng màu đen dài 115 cm; một số mảnh vỡ của ly thủy tinh.

Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số: 217, ngày 08/9/2022 của Trung tâm giám định pháp y thành phố Đà Nẵng xác định: Nguyễn Đức Đăng K bị thương tích bầm tím vùng môi, vai, cánh tay trái; xây sát da gối chân trái và cẳng chân phải. Tỷ lệ thương tích hiện tại là 5%.

Ngày 28/8/2022, Nguyễn Đức Đăng K có đơn yêu cầu khởi tố bị can đối với những người đã đánh gây thương tích cho K.

Tại Bản án sơ thẩm số 14/2023/HS-ST ngày 21/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

- Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Phạm H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay, ngày 21/02/2023.

- Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Phạm S 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay, ngày 21/02/2023.

Giao các bị cáo Phạm H, Phạm S về cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, thành phố Đà Nẵng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 01 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể Quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Phạm M (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Phạm M về cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo Phạm M mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án.

Ngày 01/3/2023, bị hại Nguyễn Đức Đăng K có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và hành vi dùng dây thắt lưng thắt cổ bị hại của bị cáo Phạm H có thể gây chết người.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- *Về thủ tục*: Đơn kháng cáo của bị hại Nguyễn Đức Đăng K hợp lệ.

- *Về nội dung*: Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HS-ST ngày 21/02/2023 của Tòa án nhân dân Huyện Hòa Vang đã xét xử các bị cáo Phạm H, Phạm S, Phạm M về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Đức Đăng K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị hại Nguyễn Đức Đăng K kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét điểm m khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự và hành vi dùng dây thắt lưng vào nơi trọng yếu đối với bị cáo H, nhằm đảm bảo sự thật khách quan của vụ án.

Các bị cáo Phạm H, Phạm S, Phạm M đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi bột phát đánh nhau do bị hại không trả tiền cho gia đình các bị cáo mà còn thách thức trong thời gian dài, dẫn đến gia đình các bị cáo gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Đức Đăng K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của bị hại: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, phiên tòa lần thứ nhất bị hại có đơn xin hoãn phiên tòa; phiên tòa lần thứ hai bị hại vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phạm H, Phạm S, Phạm M khai nhận: Vào khoảng 8 giờ 50 phút ngày 28/8/2022, biết được Nguyễn Đức Đăng K đang ngồi uống cà phê tại quán LO ở thôn 1B, xã H, huyện V, thành phố Đà Nẵng thì Phạm S và Phạm H đến gặp K, yêu cầu K trả số tiền 1.200.000.000 đồng nhưng K không chịu trả mà có lời lẽ thách thức nên giữa K với H và S xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Phạm S lấy 01 ly thủy tinh ném xuống nền bê tông dưới chân K làm vỡ ly, sau đó S và H tiếp tục dùng thắt lưng và tay đánh vào người K; cùng lúc này Phạm M cũng vừa đến thấy 02 con trai của mình đánh nhau với K nên cũng xông vào dùng tay đánh K, H dùng 02 tay cầm 02 đầu dây thắt lưng vòng qua vùng vai, cổ của Nguyễn Đức Đăng K để giữ K lại thì được mọi người dân xung quanh can ngăn. Theo kết luận giám định pháp y về thương tích thì tỷ lệ thương tích của Nguyễn Đức Đăng K là 5%.

Với hành vi trên, Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã xét xử các bị cáo Phạm H, Phạm S, Phạm M về tội “Cố ý gây thương tích” điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo của bị hại Nguyễn Đức Đăng K thì thấy: Qua nội dung đơn kháng cáo, bị hại cho rằng các bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ; các bị cáo Mạnh, S phạm tội “Cố ý gây thương tích”, bị cáo H phạm tội “Giết người”. Hội đồng xét xử thấy bị hại nợ gia đình các bị cáo số tiền 1.200.000.000 đồng trong việc sản xuất kinh doanh từ năm 2018 (Biên bản xác nhận khối lượng và giá trị, xác định đến ngày 30/6/2018 nợ số tiền 2.756.100.353; Giấy cam kết trả số tiền 02 tỷ đồng đề ngày 16/04/2020, theo đó cam kết hàng tháng trả 100 triệu đồng-BL32-33); thực tế các bị cáo nhiều lần đòi nợ và ngày 28/8/2022 (trước lúc xảy ra việc gây thương tích) Phạm H, Phạm S đến đòi nợ thì bị hại có lời lẽ thách thức dẫn đến mâu thuẫn đánh nhau. Như vậy, tình huống này không thuộc trường hợp phạm tội “Có tính chất côn đồ” theo điểm i Điều 134 Bộ luật hình sự. Về tình tiết “thất cổ vào vùng trọng yếu có thể gây chết người”, thì thấy: theo bị cáo H thì bị cáo chỉ dùng dây nịt vòng qua vùng vai, gần cổ để giữ bị hại đánh nhau và được mọi người can ngăn ngay lập tức, chứ không có siết cổ; tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể bị hại, Kết luận Giám định thương tích và trên bản ảnh không thể hiện có dấu vết tại vùng cổ, mà chỉ có dấu xét xây xước tại vùng vai - cánh tay trái, chân trái và vùng môi có vết dập, rách sung nề. Lời khai của các bị cáo và dấu vết thương tích là phù hợp nên không có cơ sở cho rằng bị cáo H có hành vi “*thất cổ bị hại có thể gây chết người*” là phạm tội “Giết người” như bị hại nêu.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Đức Đăng K, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Đức Đăng K; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Phạm H 09 (Chín) tháng** tù, cho hưởng án treo về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/02/2023).

Giao các bị cáo Phạm H về cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể Quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Phạm S 06 (Sáu) tháng** tù, cho hưởng án treo về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/02/2023).

Giao các bị cáo Phạm S về cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể Quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Phạm M 09 (Chín) tháng** cải tạo không giam giữ về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phạm M về cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian chấp hành án, khấu trừ thu nhập của bị cáo Phạm M mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA TP Đà Nẵng;
- CQ THAHS – CA huyện Hòa Vang;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- CQCSĐT Công an huyện Hòa Vang;
- Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. H ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Anh Tuấn